TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 257/2026/QĐST- HNGĐ	*Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2026/TLST - HNGĐ ngày 05/02/2026 về "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Anh Tống Văn C - sinh năm 1984; Căn cước số: 036084010305;

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị Tuyết N - sinh năm 1986; Căn cước số: 044186002291;

Cùng HKTT: tổ 36 phường Long Biên, TP. Hà Nội

- Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/3/2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Tống Văn C và chị Hoàng Thị Tuyết N.

2. C nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Tống Đoan T, sinh ngày 11/10/2007 và Tống Thanh T1, sinh ngày 18/4/2012. Cháu T hiện nay đã trưởng thành, tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Chị N cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)*/tháng kể từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu T1 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền thăm gặp và chăm sóc con chung.

2.2 Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh C và chị N mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh C tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng cho chị N, tổng cộng là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002590 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5-Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- UBND xã X, tỉnh Ninh Bình (nơi đăng ký kết hôn ngày 07/3/2006 tại UBND xã X, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thu Hà